

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CAO MINH XUYẾN

**CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở
VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

Mã số: 9 31 01 02

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**



Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS NGUYỄN MẠNH HÙNG

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi giờ..., ngày ... tháng ... năm 202...

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu minh bạch tài chính công, nâng cao trách nhiệm giải trình và hiện đại hóa quản trị quốc gia trở nên cấp thiết. Với vai trò là cơ quan do Quốc hội thành lập, Kiểm toán nhà nước giữ vị trí trọng yếu trong việc kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công, bảo đảm tính công khai, minh bạch và hiệu quả của tài chính công. Quá trình hội nhập, đặc biệt là việc thực hiện chuẩn mực quốc tế của INTOSAI và ASOSAI, đặt ra yêu cầu kiểm toán nhà nước phải nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán phù hợp thông lệ toàn cầu.

Tuy nhiên, thực tiễn kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019–2025 cho thấy chất lượng kiểm toán vẫn còn nhiều hạn chế như: năng lực kiểm toán viên giữa các lĩnh vực chưa đồng đều; mức độ ứng dụng công nghệ, dữ liệu lớn và phân tích rủi ro còn hạn chế; hiệu lực thực thi kiến nghị kiểm toán chưa cao và hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán chưa phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Những hạn chế này tạo ra khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu của hội nhập và năng lực hiện tại của kiểm toán nhà nước ở Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế trở thành yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, cần làm rõ khái niệm, tiêu chí và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán theo chuẩn mực quốc tế, đặt trong tiếp cận kinh tế chính trị. Về thực tiễn, cần phân tích thực trạng, nhận diện điểm nghẽn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, đáp ứng Chiến lược phát triển kiểm toán nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và yêu cầu hội nhập trong giai đoạn mới.

Chính từ yêu cầu thực tiễn và lý luận cấp thiết đó, tác giả lựa chọn đề tài **“Chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”** để thực hiện luận án tiến sĩ, ngành Kinh tế chính trị nhằm đóng góp luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng kiểm toán công, tăng cường minh bạch tài chính công, nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án hướng tới việc luận giải các vấn đề lý luận chung, phân tích và đánh giá thực trạng chất lượng KTNN Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2025. Từ đó, đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng KTNN trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục tiêu nghiên cứu, đề tài luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu để xác định khoảng trống cần bổ sung;

- Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về chất lượng KTNN trong hội nhập quốc tế;

- Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng KTNN Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025, chỉ rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân;

- Đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng KTNN giai đoạn định hướng 2030 và tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu lý luận và thực tiễn về chất lượng kiểm toán nhà nước đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, được xem xét dưới góc độ kinh tế chính trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Tập trung vào chất lượng KTNN trong mối quan hệ kinh tế giữa cơ quan thực hiện kiểm toán và đơn vị được kiểm toán

- *Về không gian*: Tập trung vào chất lượng KTNN trong mối quan hệ kinh tế giữa cơ quan thực hiện kiểm toán và đơn vị được kiểm toán.

- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu thực trạng giai đoạn 2019 - 2025 và đề xuất giải pháp cho giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Luận án dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, cùng các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Về thực tiễn, luận án khai thác kinh nghiệm quốc tế về nâng cao chất lượng kiểm toán trong bối cảnh hội nhập.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng kết hợp 04 phương pháp nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

- *Phương pháp trừu tượng hóa khoa học*: Là phương pháp chủ đạo để tách lọc các yếu tố ngẫu nhiên, giữ lại bản chất và các mối quan hệ cốt lõi, từ đó hình thành khung lý thuyết và hệ thống tiêu chí đánh giá.

- *Phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu*: Thu thập, hệ thống hóa, phân tích và đánh giá tài liệu từ báo cáo của KTNN, tài liệu của INTOSAI/ASOSAI, văn bản pháp lý và các công trình khoa học để định vị xu hướng phát triển

- *Phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích và thống kê*: Tổ chức thông tin logic theo các nhóm vấn đề (quy mô, năng lực, hiệu quả), phân tích số liệu để làm rõ các yếu tố ảnh hưởng.

- *Phương pháp so sánh*: Đối chiếu chất lượng KTNN Việt Nam với các quốc gia phát triển và các thông lệ quốc tế để xác định vị thế và khoảng cách trong quá trình hội nhập

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình*: Phân tích sâu các mô hình kiểm toán tại Trung Quốc, Malaysia và các thành viên ASOSAI để rút ra bài học kinh nghiệm thực tiễn.

5. Đóng góp mới về khoa học của Luận án

5.1. Đóng góp về lý luận

- Luận án xây dựng khái niệm, xác định nội dung, tiêu chí và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán nhà nước dưới góc độ của khoa học kinh tế chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Làm rõ hơn tầm quan trọng của chất lượng kiểm toán nhà nước trong việc khuyến nghị thực thi pháp luật, chính sách của Quốc hội, chính phủ.

- Đóng góp vào việc gia tăng nguồn tư liệu nghiên cứu về kiểm toán công đặc biệt là nghiên cứu về chất lượng kiểm toán nhà nước trong điều kiện hội nhập quốc tế của Việt Nam..

5.2. Đóng góp về thực tiễn

- Cung cấp bức tranh tổng thể về thực trạng chất lượng KTNN Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025.

- Cung cấp luận cứ khoa học giúp các cơ quan nhà nước hoạch định chính sách nhằm nâng cao hiệu lực giám sát tài chính công.

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn khảo sát, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, kiến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án được chia thành 04 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

Chương 3: Thực trạng chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế

Chương 4: Quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến kiểm toán, kiểm toán nhà nước

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung các kết quả nghiên cứu đã công bố

Các nghiên cứu đã thống nhất khẳng định KTNN là thiết chế quyền lực không thể tách rời của nhà nước pháp quyền, đóng vai trò “đôi trọng quyền lực” để kiểm soát tài chính công. Chất lượng kiểm toán đã được định hình là một phạm trù kinh tế phức hợp, phản ánh năng lực thực thi quyền lực nhà nước. Về thực tiễn, các nghiên cứu đã chứng minh KTNN Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ từ vai trò “hậu kiểm” sang kiến tạo, thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình.

1.2.2. Khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, tác giả nhận thấy chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, cập nhật, hệ thống về chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế dưới góc độ kinh tế chính trị. Chính vì vậy, còn rất nhiều vấn đề cần làm rõ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, phân tích, làm rõ khái niệm, nội dung và các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn 2019-2025.

Thứ ba, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân chi phối chất lượng kiểm toán nhà nước Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ tư, đề xuất một số giải pháp phát triển nhân lực ngành Tài chính trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VÀ KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.1.1. Một số vấn đề chung về kiểm toán nhà nước

2.1.1.1. Các lý thuyết liên quan về chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập kinh tế quốc tế

Luận án tiếp cận đề tài dựa trên bốn trụ cột lý thuyết chính: (1) Lý thuyết quản trị công: Khẳng định KTNN là thiết chế không thể tách rời của quản trị hiện đại, có chức năng bảo đảm minh bạch, liêm chính tài chính và trách nhiệm giải trình. Mối quan hệ giữa quản trị công và KTNN là hữu cơ, trong đó KTNN chuyên hóa các yêu cầu quản trị thành thực tiễn kiểm tra độc lập. (2) Lý thuyết thể chế: Nhấn mạnh rằng chất lượng KTNN phụ thuộc vào môi trường pháp lý

và các chuẩn mực (như INTOSAI, ISSAI) để đạt được tính chính danh và hiệu quả trong bối cảnh hội nhập. (3) Lý thuyết đại diện: Lý giải vai trò của KTNN trong việc giải quyết vấn đề “người đại diện” giữa người dân (chủ sở hữu nguồn lực) và Nhà nước (người được ủy quyền), giúp giảm thiểu rủi ro lạm quyền và lợi ích nhóm. (4) Lý thuyết trách nhiệm giải trình: Xác định KTNN là công cụ kiểm soát quyền lực, buộc các chủ thể công quyền phải báo cáo và chịu trách nhiệm về quyết định tài chính của mình.

2.1.1.2. Một số mô hình kiểm toán nhà nước trên thế giới

Luận án phân tích ba mô hình KTNN phổ biến trên thế giới: Mô hình Westminster (trực thuộc Quốc hội, phổ biến ở Anh/Khối thịnh vượng chung); Mô hình Tòa án (có chức năng tài phán, phổ biến ở Pháp); và Mô hình Hỗn hợp/Đồng thể (tập thể lãnh đạo, phổ biến ở Đức/Hàn Quốc).

2.1.1.3. Các chuẩn mực kiểm toán hiện hành

Khung Chuẩn mực Kiểm toán quốc tế của INTOSAI (IFPP) đóng vai trò nền tảng trong việc chuẩn hóa hoạt động kiểm toán công toàn cầu thông qua cấu trúc ba lớp chặt chẽ gồm các nguyên tắc, chuẩn mực và hướng dẫn thực hành. Việc vận dụng IFPP giúp Kiểm toán Nhà nước Việt Nam nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả quản trị công, đồng thời tạo cơ sở chuyển đổi sang mô hình kiểm toán dựa trên rủi ro phù hợp với xu thế quốc tế. Song song với chuẩn mực quốc tế, hoạt động kiểm toán trong nước vận hành theo chế độ Thủ trưởng và nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất của Tổng Kiểm toán Nhà nước trên cơ sở tuân thủ tuyệt đối quy định pháp luật. Cuối cùng, việc phân công, phân cấp nhiệm vụ rõ ràng gắn liền với yêu cầu tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục là yếu tố cốt lõi giúp nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng thực thi của đội ngũ kiểm toán viên.

2.1.1.4. Ý nghĩa của các chuẩn mực quốc tế đối với chất lượng kiểm toán nhà nước Việt Nam

Thứ nhất, góp phần hoàn thiện khung pháp lý và quy trình kiểm toán nhà nước phù hợp với thông lệ toàn cầu.

Thứ hai, đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán dựa trên tiêu chí khách quan, minh bạch và so sánh được.

Thứ ba, tăng cường vị thế hội nhập quốc tế của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam trong các tổ chức khu vực như ASOSAI, ASEANSAI, và INTOSAI

Thứ tư, nâng cao niềm tin của công chúng và đối tác quốc tế đối với tính minh bạch và hiệu quả sử dụng tài chính công ở Việt Nam.

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của chất lượng kiểm toán nhà nước

2.1.2.1. Khái niệm chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm, luận án đưa ra định nghĩa về chất lượng KTNN trong bối cảnh hội nhập quốc tế: “*Chất lượng kiểm toán nhà nước là mức độ thực hiện đầy đủ và hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát việc quản*

lý và sử dụng nguồn lực công của Nhà nước, gắn với việc đạt được các mục tiêu kiểm toán công trong mối quan hệ giữa cơ quan kiểm toán và đơn vị được kiểm toán, thông qua tối ưu hóa thể chế, nhân lực, công nghệ và quy trình kiểm toán nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả sử dụng tài chính công trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

2.1.2.2. Đặc điểm của chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

Chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế được định hình bởi năm đặc điểm cốt lõi, phản ánh sự chuyển dịch từ tuân thủ kỹ thuật sang kiến tạo giá trị công. Thứ nhất, chất lượng được đo lường bằng mức độ hiện thực hóa các mục tiêu về tính minh bạch, hiệu quả quản lý nguồn lực và trách nhiệm giải trình, tạo dựng niềm tin xã hội thay vì chỉ dừng lại ở quy trình nghiệp vụ. Thứ hai, thể hiện qua mối quan hệ biện chứng giữa cơ quan kiểm toán và đơn vị được kiểm toán, trong đó tính độc lập và sự hợp tác là nền tảng để gia tăng sức thuyết phục của các kiến nghị. Thứ ba, chất lượng phụ thuộc vào khả năng tối ưu hóa đồng bộ các yếu tố thể chế, nhân lực, công nghệ và quy trình nhằm thích ứng với các chuẩn mực quốc tế như INTOSAI hay ISSAI. Thứ tư, hoạt động này gắn liền với sứ mệnh bảo đảm giá trị công, cung cấp thông tin minh bạch để Quốc hội và người dân giám sát, khác biệt hoàn toàn với mục tiêu lợi nhuận của kiểm toán tư nhân. Cuối cùng, chất lượng kiểm toán mang tính động và thích ứng cao, liên tục được cải thiện để hài hòa với các chuẩn mực toàn cầu (IFPP) và sự thay đổi của môi trường quản trị quốc tế.

2.1.2.3. Tầm quan trọng của chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

Chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế có tầm quan trọng lớn trong kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình quản lý tài chính và tài sản công, giúp ngăn ngừa thất thoát, lãng phí và bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực quốc gia. Hoạt động này không chỉ là công cụ hữu hiệu để phòng chống tham nhũng thông qua việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền mà còn là động lực thúc đẩy hợp tác quốc tế, giúp Việt Nam tuân thủ các cam kết tài khóa toàn cầu, tiếp cận chuẩn mực hiện đại và nâng cao uy tín, vị thế quốc gia trước các đối tác và nhà đầu tư

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

2.2.1. Nội dung chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

2.2.1.1. Tổ chức bộ máy và điều kiện bảo đảm chất lượng kiểm toán nhà nước

Tổ chức bộ máy và điều kiện bảo đảm chất lượng kiểm toán nhà nước phản ánh năng lực nội tại thông qua việc xây dựng bộ máy tinh gọn, phát huy vai trò người đứng đầu và nâng cao trình độ kiểm toán viên. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế là yếu tố then chốt giúp tối ưu hóa nguồn lực và khẳng định vị thế trong hội nhập.

2.2.1.2. Sai phạm được phát hiện của kiểm toán nhà nước và các khuyến nghị được đề xuất

Khả năng phát hiện sai phạm và chất lượng các kiến nghị đề xuất là thước đo cốt lõi phản ánh hiệu quả giám sát quyền lực tài chính công, cho thấy sự chuyển dịch từ phát hiện lỗi kỹ thuật sang nhận diện các vấn đề hệ thống nhờ áp dụng chuẩn mực quốc tế và phương pháp tiếp cận rủi ro. Các kết luận kiểm toán ngày càng nâng cao về tính chính xác, khách quan và mở rộng phạm vi sang các lĩnh vực nhạy cảm, đưa ra các kiến nghị không chỉ nhằm thu hồi tài chính mà còn để hoàn thiện thể chế, chính sách, từ đó thúc đẩy trách nhiệm giải trình và tỷ lệ chấp hành tại đơn vị được kiểm toán. Tuy nhiên, so với thông lệ quốc tế, Kiểm toán nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh kiểm toán hoạt động, ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu và tăng cường chế tài hậu kiểm để thực sự trở thành công cụ kiến tạo chính sách và bảo đảm minh bạch tài chính quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

2.2.1.3. Kết quả kiểm toán nhà nước đối với quản trị tài chính công quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Kết quả kiểm toán nhà nước là thước đo then chốt phản ánh chất lượng quản trị tài chính công trong hội nhập, trực tiếp thúc đẩy hiệu quả sử dụng nguồn lực và hoàn thiện thể chế pháp luật theo chuẩn mực quốc tế. Thông qua việc minh bạch hóa thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình, kết quả kiểm toán không chỉ củng cố niềm tin xã hội mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và uy tín tài chính quốc gia. Đây là công cụ quan trọng để Việt Nam đáp ứng các cam kết hội nhập, thu hút đầu tư và xây dựng nền tài chính công hiện đại, bền vững.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.2.2.1. Nhóm tiêu chí về năng lực tổ chức và nguồn lực của Kiểm toán nhà nước: Nhóm này đánh giá các yếu tố nền tảng "đầu vào" quyết định chất lượng kiểm toán. Trọng tâm bao gồm tiêu chí về tính tinh gọn, hiệu quả và độc lập của tổ chức bộ máy nhằm bảo đảm sự vận hành thống nhất và khách quan; tiêu chí về chất lượng nguồn nhân lực theo chuẩn mực quốc tế đo lường qua tỷ lệ kiểm toán viên có chứng chỉ quốc tế và năng lực chuyên môn sâu; cùng tiêu chí về mức độ hiện đại hóa hạ tầng và năng lực chuyển đổi số phản ánh khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu lớn vào hoạt động kiểm toán.

2.2.2.2. Nhóm tiêu chí về kết quả phát hiện sai phạm và hiệu lực kiểm toán: Nhóm này đo lường hiệu quả "đầu ra" thực tế của hoạt động giám sát. Cụ thể, tiêu chí về quy mô, cơ cấu và định hướng rủi ro đánh giá mức độ tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu thay vì dàn trải; tiêu chí về năng lực phát hiện sai phạm và kiến nghị xử lý tài chính phản ánh chất lượng các phát hiện và giá trị kiến nghị xử lý; và tiêu chí về hiệu lực thực thi kiến nghị và mức độ bao phủ đo lường tỷ lệ chấp hành của đơn vị được kiểm toán cũng như phạm vi giám sát ngân sách địa phương.

2.2.2.3. Nhóm tiêu chí về mức độ hội nhập và tác động đối với quản trị công: Nhóm này đánh giá vị thế và "tác động" lan tỏa của kiểm toán trong bối cảnh hội nhập. Nội dung bao gồm tiêu chí về mức độ tuân thủ và tương thích chuẩn mực quốc tế thông qua việc áp dụng hệ thống ISSAIs/INTOSAI; tiêu chí về vị thế và năng lực hợp tác quốc tế thể hiện qua vai trò tại các diễn đàn đa phương và kiểm toán phối hợp; cùng tiêu chí về tác động minh bạch hóa và hoàn thiện thể chế đánh giá đóng góp vào việc sửa đổi chính sách và công khai minh bạch tài chính công quốc gia.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán nhà nước

Luận án nghiên cứu trên các khía cạnh sau: (1) Năng lực và nguồn lực của cơ quan kiểm toán; (2) Chủ trương của Đảng, khung pháp lý và chính sách quốc gia về kiểm toán và hội nhập; (3) Môi trường kinh tế, chính trị và xã hội; (4) Sự phát triển kinh tế và mức độ hội nhập quốc tế; (5) Sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC VỚI VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

Luận án chọn nghiên cứu Malaysia, Indonesia và Trung Quốc vì có sự tương đồng với Việt Nam về trình độ kinh tế, thể chế và thách thức trong quản lý tài chính công, đồng thời đã thực hiện cải cách mạnh mẽ và hội nhập quốc tế thành công..

2.3.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế

Từ kinh nghiệm cải cách của Malaysia, Indonesia và Trung Quốc, Việt Nam cần ưu tiên hoàn thiện khung pháp lý để đảm bảo tính độc lập thể chế, đồng thời phát triển đội ngũ kiểm toán viên chất lượng cao gắn với các chứng chỉ và chuẩn mực quốc tế. Song song đó, việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, đổi mới phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro và tích cực hội nhập sâu rộng vào các diễn đàn đa phương (INTOSAI, ASOSAI) là những giải pháp then chốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và vị thế của Kiểm toán Nhà nước trong bối cảnh mới.

Chương 3

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.1. KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

3.1.1. Lịch sử hình thành Kiểm toán nhà nước ở Việt Nam

Kiểm toán nhà nước (KTNN) Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với công cuộc đổi mới, chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước năm 1994, công tác kiểm tra tài chính chủ yếu do các cơ quan

thanh tra thực hiện với phạm vi hạn chế. Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 70-CP thành lập KTNN, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong việc thiết lập hệ thống kiểm soát tài chính độc lập, chuyên nghiệp.

3.1.2. Bộ máy của kiểm toán nhà nước ở Việt Nam

Bộ máy Kiểm toán nhà nước vận hành theo mô hình tập trung - phân cấp, đứng đầu là Tổng Kiểm toán nhà nước cùng các đơn vị tham mưu chiến lược. Chức năng kiểm toán được thực thi bởi hệ thống các đơn vị chuyên ngành theo lĩnh vực và mạng lưới khu vực giám sát ngân sách địa phương, bên cạnh các đơn vị sự nghiệp hỗ trợ công tác đào tạo và truyền thông.

3.2. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2019 - 2025

3.2.1. Thực trạng năng lực Kiểm toán nhà nước

3.2.1.1. Năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành của Kiểm toán nhà nước

Trong giai đoạn 2019 - 2025, KTNN duy trì mô hình quản lý thống nhất nhưng có sự điều chỉnh linh hoạt. Giai đoạn đầu, quy mô các đầu mối tổ chức được giữ ổn định. Từ năm 2022, cơ cấu tổ chức chuyển dịch theo hướng tinh gọn, sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả.

Năng lực vận hành được thể hiện cụ thể qua khả năng lập kế hoạch và triển khai các đoàn kiểm toán:

Bảng 3.1. Năng lực tổ chức và triển khai nhiệm vụ kiểm toán của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019 - 2025

Năm	Số đoàn kiểm toán thực hiện	Số cuộc kiểm toán theo kế hoạch	Số cuộc kiểm toán thực hiện	Số lĩnh vực/mảng kiểm toán chính	Tỷ lệ thực hiện theo kế hoạch (%)
2019	204	214	214	7	100%
2020	188	205	205	7	100%
2021	192	229	229	7	100%
2022	241	190	190	7	100%
2023	174	177	135	7	76.27%
2024	167	183	121	8	66,1%
2025	-	179	-	8	-

Nguồn: Kiểm toán nhà nước.

3.2.1.2. Năng lực đội ngũ kiểm toán viên và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực

Trong giai đoạn 2019 - 2025, KTNN đã xây dựng được đội ngũ kiểm toán viên theo phương châm “nghệ tinh, tâm sáng”, với cơ cấu ngạch, trình độ và chuyên môn ngày càng tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Về ngạch công chức, khoảng 87% công chức giữ ngạch kiểm toán viên nhà nước, vượt mục tiêu

Chiến lược phát triển KTNN; trong đó có kiểm toán viên cao cấp, kiểm toán viên chính và kiểm toán viên được phân bổ hợp lý. Về trình độ, trên 98–99% công chức, viên chức có trình độ đại học trở lên, với hàng chục tiến sĩ, gần 900 thạc sĩ, nhiều người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ quốc tế (ACCA, ACCF...). Cơ cấu chuyên ngành đào tạo khá đa dạng: khoảng 58–61% thuộc khối tài chính – kế toán – kiểm toán – ngân hàng, khoảng 22% khối kỹ thuật (xây dựng, giao thông, thủy lợi...), còn lại là luật, quản lý, công nghệ thông tin... đáp ứng yêu cầu triển khai cả ba loại hình kiểm toán: tài chính, tuân thủ và hoạt động.

Về sử dụng và tổ chức nguồn nhân lực, KTNN hiện có trên 2.000 người, với 32 đơn vị cấp vụ, trong đó khoảng 75,5% là công chức làm công tác kiểm toán, 12% làm hành chính và khoảng 12,5% là viên chức, lao động hợp đồng. Môi trường làm việc mang tính đặc thù: kiểm toán viên thường đi đoàn, công tác dài ngày (mỗi đợt 40–60 ngày, mỗi năm 2–3 cuộc kiểm toán, xa nhà 6–7 tháng), tạo điều kiện rèn luyện thực tiễn, luân chuyển, thử thách, qua đó hình thành đội ngũ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, phong cách làm việc chuyên nghiệp và có khả năng hội nhập quốc tế.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được coi là trụ cột quan trọng để nâng cao chất lượng nhân lực. Từ 2019, KTNN chuyển mạnh sang đào tạo theo vị trí việc làm, gắn chặt với yêu cầu từng lĩnh vực kiểm toán, chú trọng các khóa bồi dưỡng ngạch kiểm toán viên cao cấp, kỹ năng kiểm toán chuyên ngành, kiểm toán hoạt động, kiểm toán CNTT, môi trường, chương trình mục tiêu... Quy mô đào tạo tăng đều: mỗi năm hàng chục lớp với hàng nghìn lượt học viên, trong đó tỷ trọng đào tạo về CNTT, phân tích dữ liệu lớn (IDEA) khá cao. KTNN cũng xây dựng mạng lưới giảng viên kiêm chức và tăng cường hợp tác quốc tế (như với ICAEW).

Bảng 3.2. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Năm	Số lớp đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt công chức, viên chức tham gia	Số lớp/khóa đào tạo CNTT	Số lượt tham gia đào tạo CNTT	Số chương trình, tài liệu đào tạo được hoàn thiện/lũy kế
2021	31	2.210	7	214	25
2022	34	2.425	9	263	31
2023	38	2.945	10	287	36
2024	41	3.026	9	238	39
2025*	12 (tính đến 9/2025)	1.481	8	142	39 (ổn định)

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo công tác đào tạo của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh kết quả đạt được, luận án cũng chỉ ra một số vấn đề: khoảng cách giữa khung đào tạo, quy định và yêu cầu mới của chuyển đổi số còn tồn tại; việc đào tạo về công nghệ cao, kiểm toán dữ liệu lớn, AI... chưa thực sự bắt kịp xu thế; hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) tuy đã được xây dựng (Quyết định 1937/QĐ-KTNN) và là bước tiến trong lượng hóa, chuẩn hóa đánh giá Đoàn, Tổ và thành viên Đoàn kiểm toán, nhưng vẫn khó đo lường đầy đủ “chất lượng thực chất” của cuộc kiểm toán (chiều sâu phân tích, tác động chính sách, giá trị phòng ngừa...). Do đó, KPI mới chỉ là công cụ hỗ trợ, cần tiếp tục hoàn thiện, kết hợp với các đánh giá định tính để phản ánh đúng chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực kiểm toán.

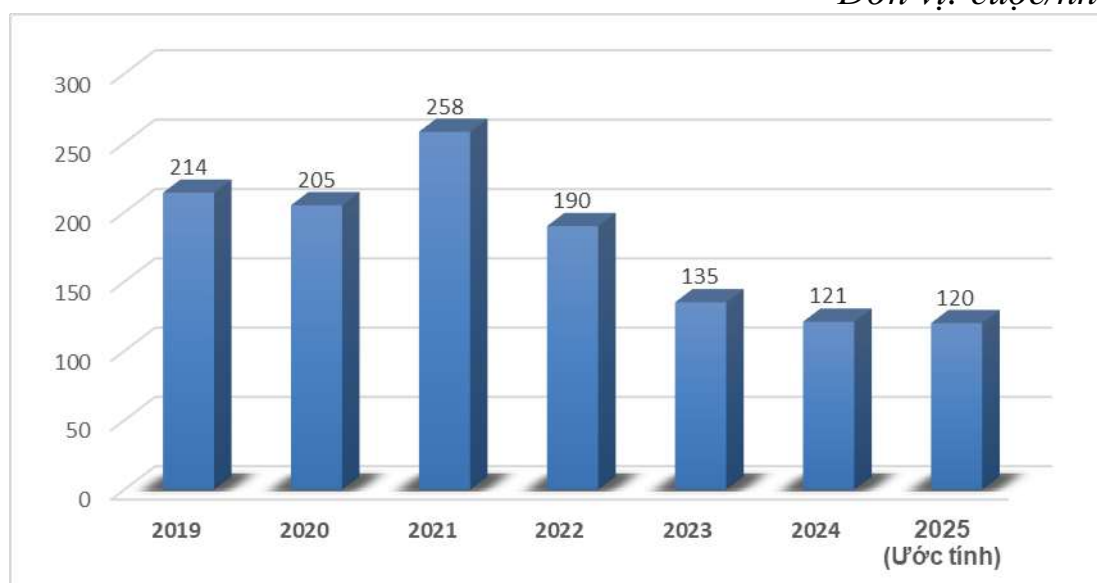
3.2.1.3. Năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số phục vụ kiểm toán

Giai đoạn 2019 - 2025, hạ tầng CNTT được đầu tư nâng cấp theo chu kỳ 2-3 năm. KTNN đã triển khai hơn 30 phần mềm phục vụ quản lý và hỗ trợ kiểm toán, kết nối dữ liệu với các bộ ngành lớn (Tài chính, Ngân hàng, BHXH). Chiến lược phát triển CNTT đến năm 2030 được ban hành để định hướng chuyển đổi số. Dù vậy, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như Big Data, AI vẫn chưa thực sự triệt để và hiệu quả còn hạn chế do hạ tầng và kỹ năng nhân lực chưa đồng đều.

3.2.2. Thực trạng chất lượng kiểm toán nhà nước nhìn từ kết quả phát hiện, xử lý sai phạm và mức độ tuân thủ

3.2.2.1. Quy mô và xu hướng triển khai hoạt động kiểm toán Quy mô các cuộc kiểm toán trong giai đoạn này có sự biến động phản ánh sự thay đổi chiến lược từ “chiều rộng” sang “chiều sâu”.

Đơn vị: cuộc/nhiệm vụ



Biểu đồ 3.4. Số lượng các cuộc kiểm toán của kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019 - 2025

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Bộ Tài chính

Biểu đồ 3.4 cho thấy số lượng các cuộc kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước có sự biến động mạnh mẽ trong giai đoạn 2019 - 2025, phản ánh rõ nét sự thay đổi trong chiến lược hoạt động kiểm toán, từ mở rộng quy mô theo chiều rộng sang chú trọng nâng cao chất lượng và tính trọng tâm của từng cuộc kiểm toán.

3.2.2.2. Cơ cấu loại hình kiểm toán và mức độ tập trung vào khu vực tiềm ẩn rủi ro

Bảng dưới đây trình bày cơ cấu các loại hình kiểm toán do Kiểm toán Nhà nước thực hiện giai đoạn 2019 - 2025, qua đó cho thấy sự dịch chuyển trọng tâm và mức độ tập trung vào những khu vực có mức độ rủi ro cao hoặc có ảnh hưởng trực tiếp đến quản trị, điều hành tài chính ngân sách quốc gia.

Bảng 3.3: Cơ cấu các loại hình kiểm toán phản ánh chất lượng triển khai hoạt động kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019 - 2025

Đơn vị: %

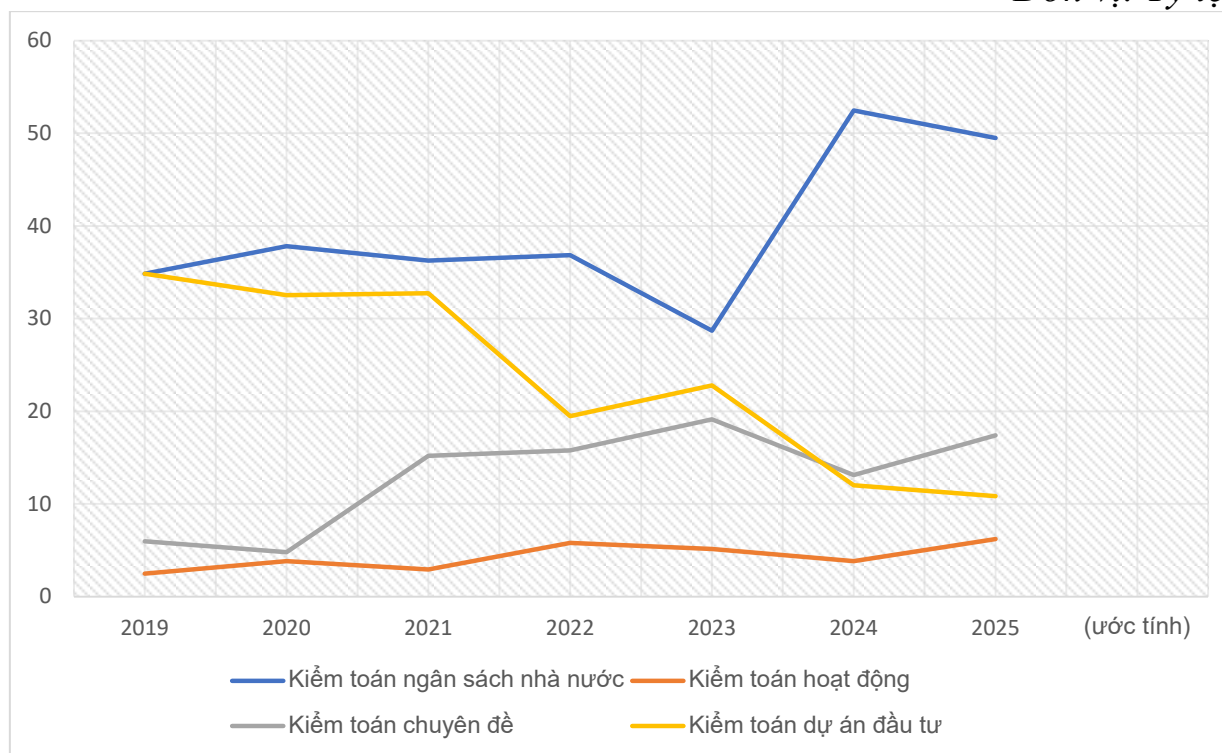
Năm báo cáo	Kiểm toán ngân sách nhà nước	Kiểm toán hoạt động	Kiểm toán chuyên đề	Kiểm toán dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán lĩnh vực Quốc phòng	Kiểm toán lĩnh vực An ninh, khối cơ quan Đảng
2019	34,83	2,49	5,97	34,83	14,43	6,97	0,50
2020	37,80	3,83	4,78	32,54	11,48	7,66	1,91
2021	36,26	2,92	15,20	32,75	9,36	1,75	1,75
2022	36,84	5,79	15,79	19,47	9,47	6,32	6,32
2023	28,68	5,15	19,12	22,79	12,50	8,09	3,68
2024	52,46	3,83	13,11	12,02	7,65	5,46	5,46
2025 (ước tính)	49,50	6,20	17,40	10,85	7,10	5,95	2,90

Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tổng kết công tác và kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019 - 2025

Cơ cấu loại hình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019–2025 cho thấy xu hướng chuyển từ kiểm toán truyền thống (tài chính, tuân thủ) sang tập trung nhiều hơn vào ngân sách nhà nước, dự án đầu tư, kiểm toán hoạt động và kiểm toán chuyên đề – những khu vực tiềm ẩn rủi ro thất thoát, lãng phí và tác động lớn tới tài chính công.

Trong đó, kiểm toán ngân sách nhà nước luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, kiểm toán dự án đầu tư cao ở đầu giai đoạn rồi giảm dần; kiểm toán hoạt động và kiểm toán chuyên đề tuy tỷ lệ nhỏ hơn nhưng có xu hướng tăng, phản ánh yêu cầu đánh giá hiệu quả, hiệu lực quản lý. Kiểm toán lĩnh vực quốc phòng, an ninh và khối cơ quan Đảng duy trì tỷ trọng thấp, mang tính đặc thù. Nhìn chung, cơ cấu loại hình kiểm toán thể hiện rõ sự dịch chuyển trọng tâm vào các lĩnh vực rủi ro cao, qua đó phản ánh năng lực nhận diện rủi ro và định hướng giám sát tài chính công của Kiểm toán nhà nước.

Đơn vị: Tỷ lệ %



Biểu đồ 3.5. Xu hướng cơ cấu một số loại hình kiểm toán cơ bản giai đoạn 2019 - 2025

Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tổng kết công tác và kế hoạch kiểm toán của Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2019 - 2025.

Qua cơ cấu các loại hình kiểm toán, có thể nhận thấy rõ rằng chất lượng kiểm toán nhà nước không chỉ được đo lường qua số lượng các cuộc kiểm toán, mà còn được phản ánh sâu sắc qua việc xác định đúng trọng tâm, phạm vi, phương pháp kiểm toán và khả năng thích ứng với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả và uy tín của Kiểm toán nhà nước Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

3.2.2.3. Khả năng nhận diện rủi ro và phát hiện sai phạm trọng yếu

Giai đoạn 2019 - 2025 cho thấy khả năng nhận diện rủi ro của Kiểm toán Nhà nước ngày càng được tăng cường, thể hiện qua tỷ lệ các cuộc kiểm toán tập trung vào lĩnh vực rủi ro cao tăng mạnh từ 7,94% năm 2019 lên 25,62% năm 2024, và duy trì mức trên 24% theo ước tính năm 2025. Đây là minh chứng cho sự chuyển dịch từ kiểm toán dàn trải sang kiểm toán có trọng tâm, ưu tiên các lĩnh vực dễ thất thoát, lãng phí hoặc có tác động lớn đến tài chính công.

Những lĩnh vực được kiểm toán nhiều bao gồm: quản lý đất đai, đầu tư theo hình thức PPP, tài nguyên khoáng sản, vốn vay ODA, tài sản công, các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu và các chương trình phục hồi kinh tế sau COVID-19. Sự lựa chọn này phản ánh khả năng nhận diện các vấn đề trọng yếu, bám sát biến động kinh tế – xã hội và mức độ nhạy cảm của từng lĩnh vực.

Việc tăng tỷ trọng kiểm toán vào nhóm rủi ro cao cho thấy KTNN đang từng bước tiếp cận phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, góp

phần nâng cao khả năng phát hiện sai phạm trọng yếu, nhận diện rủi ro mang tính hệ thống và đưa ra kiến nghị có giá trị cảnh báo cao. Điều này khẳng định xu hướng nâng cao chất lượng kiểm toán, tránh dàn trải, và tập trung vào những khu vực có khả năng gây tác động lớn đến quản trị tài chính công.

3.2.2.4. Hiệu lực kiểm toán đối với ngân sách địa phương và kiểm soát nguồn lực công

Kiểm toán ngân sách địa phương giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quản lý tài chính công do quy mô chi lớn và phạm vi quản lý trải rộng trên nhiều cấp chính quyền. Vì vậy, mức độ bao phủ kiểm toán đối với các địa phương là chỉ báo quan trọng phản ánh phạm vi tác động và hiệu lực giám sát của KTNN.

Bảng 3.6: Phạm vi triển khai hoạt động kiểm toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2019 - 2024

Năm	Số địa phương được kiểm toán (Chỉ kiểm toán ngân sách địa phương trong năm)	Số địa phương được kiểm toán (Chỉ kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương)	Số địa phương được kiểm toán (Kiểm toán tổng hợp)	Tổng số tỉnh thành được kiểm toán	Tổng số tỉnh thành	Tỷ lệ bao phủ (%)
2019	41	8	0	49	63	77,78
2020	44	8	0	52	63	82,54
2021	28	10	8	46	63	70,02
2022	22	10	28	60	63	95,24
2023	4	35	20	59	63	93,65
2024	4	35	22	61	63	96,83

Nguồn: Kiểm toán nhà nước

Giai đoạn 2019 - 2024, phạm vi kiểm toán ngân sách địa phương có sự mở rộng rõ rệt, thể hiện qua việc bổ sung hình thức kiểm toán tổng hợp bên cạnh kiểm toán ngân sách thường niên và kiểm toán báo cáo quyết toán. Tỷ lệ địa phương được kiểm toán tăng từ 77,78% năm 2019 lên 96,83% năm 2024, cho thấy xu hướng mở rộng bao phủ và đổi mới phương pháp tiếp cận theo hướng toàn diện, hệ thống hơn.

Năm 2025, do sắp xếp lại đơn vị hành chính, số tỉnh giảm còn 61, KTNN dự kiến kiểm toán 58 địa phương, tiếp tục duy trì mức bao phủ khoảng 95%, đồng thời tăng cường kiểm toán tổng hợp.

Nhìn chung, phạm vi kiểm toán ngân sách địa phương qua các năm cho thấy sự mở rộng quy mô, nâng cao tính toàn diện và chất lượng giám sát, góp phần tăng cường kỷ luật – kỷ cương ngân sách và tiệm cận thông lệ kiểm toán quốc tế.

Bảng 3.7: Kết quả xử lý tài chính qua kiểm toán nhà nước giai đoạn (2019 - 2024)

Đơn vị: tỷ đồng

Năm báo cáo	Năm ngân sách được kiểm toán	Tổng hợp kiến nghị xử lý tài chính (Tỷ đồng)	Kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước	Kiến nghị giảm chi ngân sách nhà nước	Kiến nghị xử lý tài chính khác
2019	2018	95.865	14.482	20.430	60.953
2020	2019	61.774,60	7.392,80	14.545,70	39.836,10
2021	2020	66.959,90	8.803,30	16.593,10	41.563,50
2022	2021	71.605	4.641,30	29.953,70	37.010
2023	2022	49.941,42	3.841	17.505,33	28.595,09
2024	2023	49.940,10	3.840,95	17.503,73	28.595,42
Tổng cộng	—	398.086	43.001	116.532	236.553

Nguồn: Kiểm toán nhà nước

Bảng 3.7 phản ánh thực trạng kết quả xử lý tài chính thông qua hoạt động kiểm toán nhà nước trong giai đoạn 2019 - 2024, qua đó thể hiện một trong những khía cạnh quan trọng nhất của chất lượng kiểm toán nhà nước là khả năng phát hiện sai phạm và mức độ tác động của kiểm toán đối với quản trị tài chính công trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tổng hợp kiến nghị xử lý tài chính trong cả giai đoạn đạt 398.086,02 tỷ đồng, cho thấy quy mô giá trị các vấn đề tài chính được kiểm toán nhà nước phát hiện và kiến nghị xử lý tiếp tục duy trì ở mức cao. Số liệu này phản ánh vai trò của kiểm toán nhà nước không chỉ là công cụ nghiệp vụ mà còn là công cụ kiểm soát quyền lực kinh tế, góp phần minh bạch hóa quản lý tài chính công trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý tài chính trong giai đoạn 2019 - 2024 không chỉ cho thấy hiệu lực thực thi của các kết luận kiểm toán mà còn phản ánh năng lực giám sát, cảnh báo và cải cách thể chế mà cơ quan kiểm toán nhà nước đang từng bước khẳng định trong quá trình hiện đại hóa quản lý tài chính công và hội nhập quốc tế.

3.2.3. Thực trạng các đóng góp của chất lượng kiểm toán đối với hoạt động quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế

3.2.3.1. Đóng góp của chất lượng kiểm toán trong thực hiện cam kết hội nhập và hợp tác đa phương

Trong giai đoạn 2019 - 2025, chất lượng kiểm toán nhà nước được cải thiện đã góp phần quan trọng vào việc thực thi các cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) từng bước tiếp cận và vận dụng chuẩn mực

kiểm toán quốc tế (ISSAIs), với hơn 50 chuẩn mực được áp dụng trong kiểm toán hoạt động, môi trường, CNTT và đánh giá rủi ro, giúp quy trình và báo cáo kiểm toán ngày càng chuẩn hóa, minh bạch và dễ so sánh quốc tế. Điều này hỗ trợ Việt Nam thực hiện tốt hơn nghĩa vụ báo cáo, minh bạch tài chính và giải trình theo các hiệp định thương mại, cam kết ODA và các bộ tiêu chí đánh giá tài chính công toàn cầu.

Đồng thời, KTNN tích cực tham gia các tổ chức kiểm toán tối cao như INTOSAI, ASOSAI, ASEANSAI và đảm nhiệm nhiều vai trò quan trọng, trong đó có Chủ tịch ASOSAI nhiệm kỳ 2018 - 2021. Giai đoạn 2022 - 2024, KTNN tham dự hơn 50 hội nghị, hội thảo quốc tế và chủ trì nhiều sự kiện lớn, tiêu biểu như Hội nghị INTOSAI WGBD năm 2024. Bên cạnh đó, các cuộc kiểm toán phối hợp song phương và khu vực gia tăng từ 2 cuộc năm 2019 lên 5 cuộc năm 2024, tập trung vào quản lý sông Mekong, rác thải nhựa, biến đổi khí hậu, ODA và các mục tiêu phát triển bền vững.

Hoạt động hợp tác quốc tế tiếp tục mở rộng với số đoàn công tác quốc tế tiếp nhận, số hội nghị tham gia và số chương trình đào tạo tăng mạnh sau đại dịch COVID-19. KTNN cũng nâng mức minh bạch thông tin thông qua việc công bố ngày càng nhiều báo cáo kiểm toán song ngữ (từ 3 báo cáo năm 2019 lên 8 báo cáo năm 2024), đồng thời duy trì các nền tảng chia sẻ tri thức quốc tế.

3.2.3.2. Biểu hiện các kênh tác động của hội nhập quốc tế tới chất lượng kiểm toán nhà nước

Thực trạng hội nhập quốc tế của Kiểm toán Nhà nước giai đoạn 2019 - 2025 cho thấy quá trình hội nhập không chỉ mở rộng hợp tác và áp dụng chuẩn mực quốc tế, mà còn hình thành nhiều kênh tác động trực tiếp đến chất lượng kiểm toán. Các kênh này bao gồm: tiếp nhận và vận dụng chuẩn mực ISSAI; tham gia đào tạo và chuyển giao tri thức; triển khai kiểm toán phối hợp; áp dụng thông lệ và công cụ kiểm toán quốc tế; tăng cường ứng dụng công nghệ; mở rộng vai trò và minh bạch thông tin.

Hội nhập giúp KTNN đổi mới tư duy nghề nghiệp, chuyển từ phương pháp truyền thống sang kiểm toán hiện đại dựa trên rủi ro và phân tích dữ liệu; nâng cao năng lực kiểm toán viên thông qua đào tạo, hội thảo và các cuộc kiểm toán quốc tế; thúc đẩy ứng dụng công nghệ, e-Audit và các công cụ quốc tế như ClimateScanner; đồng thời gia tăng uy tín, vai trò của KTNN trên các diễn đàn khu vực và toàn cầu. Hội nhập cũng tạo động lực mạnh mẽ cho minh bạch hóa thông tin và chuẩn hóa hoạt động kiểm toán.

Nhìn chung, hội nhập quốc tế đã trở thành động lực nội sinh thúc đẩy sự chuyển đổi toàn diện của KTNN Việt Nam, góp phần nâng cao rõ rệt chất lượng, phương pháp và chuẩn mực nghề nghiệp trong hoạt động kiểm toán nhà nước.

3.2.3.3. Sự thay đổi về chất lượng kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế đã tác động đến chất lượng KTNN qua các kênh: thay đổi tư duy nghề nghiệp, hiện đại hóa phương pháp (kiểm toán rủi ro, kiểm toán từ xa), nâng cao kỹ năng nhân lực và tăng cường ứng dụng công nghệ. Sự thay đổi về chất lượng thể hiện qua:

Phương pháp: Chuyển dịch sang kiểm toán dựa trên rủi ro (tỷ lệ áp dụng năm 2024 vượt 85%).

Phạm vi: Mở rộng sang các lĩnh vực toàn cầu như SDGs, biến đổi khí hậu.

Tính minh bạch: Tăng cường công bố báo cáo song ngữ và theo chuẩn quốc tế.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

3.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Các kết quả đạt được

Trong giai đoạn vừa qua, chất lượng kiểm toán nhà nước đạt nhiều kết quả quan trọng.

Một là, năng lực kiểm toán nhà nước đã được củng cố vững chắc và từng bước chuyển từ mô hình kiểm toán hành chính sang mô hình kiểm toán dựa trên chuẩn mực hiện đại, có trọng tâm và định hướng kết quả..

Hai là, chất lượng kiểm toán nhà nước đã có bước tiến rõ rệt, thể hiện ở khả năng phát hiện, kiến nghị xử lý sai phạm ngày càng sâu, rộng và có tác động cải thiện hành vi quản lý tài chính công.

Ba là, chất lượng kiểm toán nhà nước đã tạo dựng được vai trò vừa là công cụ giám sát tài chính công trong nước, vừa là tác nhân thúc đẩy hội nhập kiểm toán quốc tế theo chuẩn mực và thông lệ tiên tiến.

3.3.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được: Khung pháp lý thuận lợi (Luật KTNN, Chiến lược 2030); Năng lực đội ngũ KTV được nâng cao; Môi trường chính trị ổn định và xu thế hội nhập sâu rộng.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Hạn chế

Một là, tiến trình nâng cao năng lực kiểm toán chưa đạt tính đồng bộ và chuẩn hóa quốc gia. Mặc dù đã cải thiện, năng lực kiểm toán vẫn phát triển không đồng đều giữa các đơn vị; việc áp dụng ISSAI chưa thống nhất; nhân lực lĩnh vực mới còn thiếu; công nghệ và quy trình chưa liên thông, làm hạn chế mức độ chuyên nghiệp hóa toàn ngành.

Hai là, chất lượng kết luận kiểm toán còn thiếu ổn định và nghiêm minh. Một số báo cáo kiểm toán chưa sâu, kết luận thiếu thuyết phục; áp dụng đánh giá

rủi ro chưa đồng nhất; kiến nghị còn chung chung, khó thực thi. Điều này làm giảm tính chính xác, khách quan và ảnh hưởng đến uy tín, hiệu lực của hoạt động kiểm toán nhà nước.

Ba là, kiểm toán nhà nước mới ở mức thích ứng, chưa đóng vai trò dẫn dắt đổi mới quản trị công. Việt Nam chủ yếu tiếp nhận chuẩn mực quốc tế hơn là tạo lập; đóng góp vào đổi mới phương pháp kiểm toán khu vực còn hạn chế; chưa hình thành vai trò kiến tạo tri thức hay dẫn dắt kiểm toán chủ đề, làm hạn chế vị thế trong cộng đồng kiểm toán quốc tế.

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, khung pháp lý và chính sách kiểm toán còn thiếu đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và hội nhập. Quy định về các lĩnh vực mới còn chưa rõ ràng; quy trình triển khai thiếu thống nhất; cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu liên ngành còn yếu, làm giảm hiệu quả giám sát.

Thứ hai, năng lực và mức độ chuyên môn hóa của kiểm toán viên chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và vùng miền. Một bộ phận kiểm toán viên chưa nắm vững phương pháp kiểm toán hiện đại và kỹ năng phân tích dữ liệu, khiến chất lượng báo cáo và kiến nghị kiểm toán còn thiếu nhất quán và thuyết phục..

Thứ ba, phương pháp, quy trình và công cụ kiểm toán triển khai chưa thống nhất. Nhiều đoàn vẫn sử dụng cách làm truyền thống, chưa áp dụng đầy đủ kiểm toán dựa trên rủi ro; hạ tầng công nghệ, dữ liệu và phần mềm chưa được tích hợp, dẫn đến gián đoạn quy trình, trùng lặp nội dung và giảm năng suất kiểm toán.

Thứ tư, hội nhập quốc tế trong kiểm toán chưa đi vào chiều sâu. Việc vận dụng chuẩn mực ISSAI còn hạn chế, thiếu hướng dẫn chi tiết theo từng lĩnh vực; năng lực nội luật hóa và triển khai chuẩn mực còn yếu, khiến kiểm toán nhà nước chưa khai thác đầy đủ giá trị từ hợp tác quốc tế và chuẩn hóa chất lượng theo thông lệ toàn cầu.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

4.1. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Thứ nhất, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra yêu cầu ngày càng cao về minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị công, nhấn mạnh vai trò của cơ quan kiểm toán tối cao trong bảo đảm kỷ luật tài khóa

và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs).

Thứ hai, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số với các công nghệ như AI, dữ liệu lớn, blockchain, điện toán đám mây đang làm thay đổi căn bản phương pháp, phạm vi và cách thức tổ chức kiểm toán công.

Thứ ba, xu thế mở rộng phạm vi kiểm toán đối với các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, an ninh tài chính số, quản lý nguồn nước xuyên biên giới đòi hỏi kiểm toán nhà nước phải tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực kiểm toán phi truyền thống và kiểm toán hợp tác khu vực.

Thứ tư, áp lực cạnh tranh và yêu cầu khẳng định vị thế quốc tế buộc Kiểm toán Nhà nước Việt Nam phải chuẩn hóa chất lượng kiểm toán, nâng cao năng lực kiểm toán viên và tăng cường minh bạch kết quả kiểm toán để đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng quốc tế..

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Thứ nhất, yêu cầu tăng cường giám sát quản lý tài chính công, tài sản công trong điều kiện nguồn lực ngân sách hạn chế và nợ công gia tăng đặt Kiểm toán Nhà nước vào vị trí then chốt trong bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài khóa.

Thứ hai, chủ trương chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030 đòi hỏi Kiểm toán Nhà nước phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, kiểm toán điện tử và phân tích dữ liệu lớn trong toàn bộ quy trình kiểm toán.

Thứ ba, áp lực minh bạch thông tin và kỳ vọng ngày càng cao của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức quốc tế yêu cầu hoạt động kiểm toán phải công khai, chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, kịp thời và có giá trị định hướng chính sách.

Thứ tư, đòi hỏi phát triển đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn sâu, am hiểu các lĩnh vực mới (môi trường, công nghệ thông tin, kinh tế số, SDGs), thành thạo ngoại ngữ và kỹ năng công nghệ, đủ năng lực tham gia các hoạt động kiểm toán quốc tế.

4.1.3. Yêu cầu đặt ra đối với nâng cao chất lượng kiểm toán ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý và thể chế kiểm toán theo hướng phù hợp với Khung Chuẩn mực Kiểm toán của INTOSAI (IFPP), nội luật hóa ISSAI, tăng cường bảo đảm tính độc lập và quyền tiếp cận thông tin của Kiểm toán Nhà nước.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp hóa và quốc tế hóa, trang bị kiến thức đa ngành, kỹ năng phân tích dữ liệu, năng lực sử dụng công nghệ, đánh giá rủi ro và hiểu biết sâu về chuẩn mực quốc tế,

đồng thời củng cố đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh chính trị.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động kiểm toán, sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, hệ thống thông tin quản lý tài chính công và công cụ đánh giá rủi ro tự động để nâng cao độ chính xác, mở rộng phạm vi và phát hiện sai phạm mang tính hệ thống.

Thứ tư, tăng cường cơ chế giám sát, theo dõi và thực hiện kiến nghị kiểm toán, coi mức độ thực thi khuyến nghị là thước đo chính của hiệu quả kiểm toán, đồng thời hoàn thiện cơ chế trách nhiệm giải trình và phối hợp giữa Kiểm toán Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ.

Thứ năm, mở rộng phạm vi và hình thức kiểm toán, chú trọng kiểm toán hoạt động, kiểm toán môi trường, kiểm toán chuyển đổi số, kiểm toán ngân sách theo kết quả và kiểm toán tuân thủ theo chuẩn IFPP, qua đó nâng cao vai trò kiểm toán trong cải cách tài chính công và hoạch định chính sách.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia sâu vào ASOSAI, ASEANSAI, INTOSAI để học hỏi kinh nghiệm, chuẩn hóa phương pháp, nâng cao uy tín quốc gia và đáp ứng đầy đủ các cam kết về minh bạch tài chính công với cộng đồng quốc tế.

4.2. MỤC TIÊU HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ QUAN ĐIỂM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

4.2.1. Mục tiêu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kiểm toán của Việt Nam

Thứ nhất, hội nhập nhằm tiếp cận và áp dụng các chuẩn mực kiểm toán quốc tế (IFPP/INTOSAI), chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và nâng cao chất lượng kiểm toán theo thông lệ toàn cầu. *Thứ hai*, hội nhập giúp tăng cường năng lực thể chế và năng lực con người, đưa Việt Nam tiệm cận các phương pháp kiểm toán hiện đại như kiểm toán hoạt động, kiểm toán môi trường và kiểm toán dựa trên rủi ro. *Thứ ba*, hội nhập góp phần nâng cao uy tín tài chính công, tạo niềm tin với nhà đầu tư, tổ chức tín dụng quốc tế và đối tác phát triển, qua đó hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện chi phí vốn. *Thứ tư*, hội nhập giúp mở rộng hợp tác đa phương, khẳng định vai trò của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam trong ASOSAI, ASEANSAI và INTOSAI, đồng thời đóng góp tích cực vào các nỗ lực chung về minh bạch tài khóa và quản trị công khu vực.

4.2.2. Quan điểm nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế

Nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế phải dựa trên các định hướng chiến lược mang tính dài hạn và toàn diện. *Một là*, kiểm toán nhà nước phải giữ vai trò trung tâm trong bảo vệ kỷ cương

tài chính và thúc đẩy quản trị công minh bạch, hiện đại, không chỉ dừng lại ở chức năng giám sát mà còn chủ động kiến tạo, phòng ngừa rủi ro và phản biện chính sách dựa trên các chuẩn mực quốc tế cao nhất. *Hai là*, chất lượng kiểm toán phải được xây dựng trên nền tảng thể chế vững mạnh, độc lập và tương thích với thông lệ quốc tế; việc nội luật hóa ISSAIs, hoàn thiện khung pháp lý và chuyển đổi sang mô hình kiểm toán dựa trên rủi ro, kết quả và tác động là điều kiện then chốt để nâng cao năng lực giám sát tài khóa và phối hợp chính sách. *Ba là*, con người phải được coi là trung tâm của chất lượng kiểm toán; kiểm toán viên nhà nước cần được phát triển thành đội ngũ chuyên gia đa lĩnh vực, thành thạo công nghệ, ngoại ngữ, phân tích dữ liệu và có đạo đức công vụ cao, đủ năng lực tham gia kiểm toán quốc tế và xử lý các vấn đề tài chính công phức tạp. *Bốn là*, kiểm toán nhà nước phải chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình số, coi dữ liệu là tài sản chiến lược và công nghệ là nền tảng vận hành; việc tích hợp dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, hệ thống cảnh báo rủi ro và kiểm toán thời gian thực là xu hướng tất yếu để nâng cao hiệu quả kiểm toán và hiện đại hóa bộ máy giám sát tài chính công. *Năm là*, kiểm toán nhà nước Việt Nam cần trở thành một phần tích cực trong mạng lưới kiểm toán công toàn cầu, chủ động đóng góp vào các chuẩn mực quốc tế, mở rộng kiểm toán phối hợp, tham gia khởi xướng sáng kiến khu vực và nâng cao vị thế Việt Nam trên các diễn đàn như ASOSAI, ASEANSAI và INTOSAI.

4.3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

4.3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và khung pháp lý kiểm toán nhà nước

Hoàn thiện khung pháp lý là giải pháp nền tảng nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Cần ưu tiên: (1) sửa đổi, bổ sung Luật Kiểm toán Nhà nước và các văn bản dưới luật để thể chế hóa các loại hình kiểm toán mới như kiểm toán môi trường, kiểm toán CNTT, kiểm toán số; (2) quy định rõ trách nhiệm giải trình, thời hạn cung cấp thông tin điện tử và chế tài xử lý vi phạm trong thực hiện kiến nghị kiểm toán; (3) xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu dùng chung với các cơ quan thanh tra, tài chính, thuế, hải quan nhằm tránh chồng chéo và nâng cao hiệu quả phối hợp; (4) tổ chức tinh gọn bộ máy theo hướng chuyên nghiệp, giảm đầu mối, đồng thời hình thành các đơn vị chuyên trách lĩnh vực mới phù hợp Chiến lược phát triển KTNN đến năm 2030.

4.3.2. Nâng cao năng lực, trình độ và chuyên môn hóa đội ngũ kiểm

toán viên nhà nước

Nhân lực là yếu tố quyết định chất lượng kiểm toán. Do đó, cần triển khai các giải pháp: (1) xây dựng khung năng lực theo chuẩn quốc tế gắn với từng vị trí việc làm, bao gồm kiểm toán viên chuyên môn, công nghệ, phân tích chính sách; (2) đổi mới đào tạo theo hướng học tập trải nghiệm – ứng dụng, khuyến khích kiểm toán viên thi lấy chứng chỉ quốc tế như ACCA, CPA, CIA, CISA với cơ chế hỗ trợ tài chính; (3) phát triển mô hình “kiểm toán viên tích hợp” có năng lực đa lĩnh vực; (4) áp dụng hệ thống đánh giá KPI định lượng và mô hình đánh giá 360 độ để nâng cao trách nhiệm giải trình cá nhân; (5) bảo đảm 100% kiểm toán viên được trang bị năng lực số và kỹ năng phân tích dữ liệu hiện đại (IDEA, Power BI, Python), cùng với năng lực ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ hội nhập.

4.3.3. Hiện đại hóa quy trình, phương pháp và công cụ kiểm toán

Đề thích ứng với kỷ nguyên số, kiểm toán nhà nước cần đổi mới toàn diện phương thức hoạt động. Trọng tâm bao gồm: (1) chuyển đổi từ kiểm tra tuân thủ truyền thống sang kiểm toán dựa trên rủi ro và đánh giá tác động chính sách; (2) chuẩn hóa quy trình cho từng loại hình kiểm toán dựa trên ISSAIs nhằm bảo đảm tính nhất quán và minh bạch; (3) phát triển hệ sinh thái công nghệ kiểm toán gồm phần mềm phân tích dữ liệu lớn, kho dữ liệu tập trung và ứng dụng AI trong phân loại rủi ro; (4) triển khai kiểm toán từ xa bằng nền tảng điện tử tích hợp, kết hợp mô hình kiểm toán trực tiếp và trực tuyến; (5) xây dựng bộ chỉ số đánh giá chất lượng và cơ chế phản hồi để đảm bảo cải tiến liên tục.

4.3.4. Tăng cường phối hợp và chia sẻ thông tin với các bên liên quan

Tăng cường phối hợp là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm toán và tránh trùng lặp, lãng phí nguồn lực. Các nội dung trọng tâm gồm: (1) ban hành quy chế phối hợp mẫu với đơn vị được kiểm toán, quy định rõ trách nhiệm cung cấp dữ liệu điện tử; (2) xây dựng cổng chia sẻ dữ liệu liên thông qua API với Bộ Tài chính, Kho bạc, Thuế, Hải quan bảo đảm bảo mật và phân quyền; (3) phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ, cơ quan điều tra và báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện kiến nghị để tăng cường giám sát; (4) đẩy mạnh công khai kết quả kiểm toán, tổ chức họp báo và mở kênh tiếp nhận phản hồi từ người dân và doanh nghiệp; (5) thúc đẩy phối hợp nội bộ giữa các kiểm toán khu vực, tổ chuyên ngành thông qua chia sẻ dữ liệu và thực hiện kiểm toán liên vùng.

4.3.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế và kiểm toán theo chuẩn mực toàn cầu

Hội nhập quốc tế là động lực nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước. Các giải pháp bao gồm: (1) xây dựng lộ trình nội luật hóa ISSAIs và ban hành cẩm nang hướng dẫn song ngữ; (2) đào tạo năng lực hội nhập, kỹ năng làm việc quốc tế và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo INTOSAI/ASOSAI; (3) chủ động đề xuất và tham gia kiểm toán phối hợp về các chủ đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, quản lý ODA; (4) phát triển hạ tầng truyền thông đối ngoại, xây dựng trang thông tin tiếng Anh và công bố báo cáo kiểm toán song ngữ; (5) tham gia đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn khu vực, xây dựng mạng lưới chuyên gia kiểm toán quốc tế nhằm khẳng định vị thế của Việt Nam.

4.3.6. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học

Đây là đòn bẩy then chốt để hiện đại hóa kiểm toán nhà nước. Cần thực hiện: (1) đầu tư hạ tầng CNTT hiện đại, bao gồm trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế và nền tảng điện toán đám mây, tiến tới xây dựng kho dữ liệu kiểm toán quốc gia liên thông với các bộ ngành; (2) phát triển hệ thống phần mềm quản lý kiểm toán (AMS), công cụ phân tích dữ liệu và ứng dụng AI hỗ trợ phát hiện rủi ro; (3) số hóa toàn bộ hồ sơ kiểm toán, xây dựng thư viện điện tử và nền tảng học tập trực tuyến nhằm lan tỏa tri thức; (4) thành lập Trung tâm nghiên cứu chiến lược và Quỹ phát triển khoa học để thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, tạo nền tảng lý luận – thực tiễn cho đổi mới phương pháp và công nghệ kiểm toán.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ và yêu cầu minh bạch tài chính công ngày càng gia tăng, Kiểm toán nhà nước với tư cách là cơ quan giám sát tài chính công tối cao đứng trước nhiệm vụ cấp thiết phải nâng cao chất lượng kiểm toán nhằm đáp ứng chuẩn mực quốc tế và yêu cầu cải cách quản trị quốc gia. Luận án “Chất lượng kiểm toán nhà nước ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế” được thực hiện trên nền tảng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin kết hợp tiếp cận quản trị công hiện đại, đã làm rõ một số luận điểm cốt lõi sau đây:

Thứ nhất, kiểm toán nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính và thúc đẩy tính minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước. Không thể có một nền tài chính công hiện đại nếu thiếu một cơ chế

kiểm toán có chất lượng cao, độc lập, khách quan và đủ năng lực phản biện chính sách dựa trên bằng chứng.

Thứ hai, luận án đã hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về chất lượng kiểm toán nhà nước trong hội nhập quốc tế, xác định đầy đủ khái niệm, cấu phần, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng. Đây là đóng góp có ý nghĩa trong bối cảnh Việt Nam đang nội luật hóa chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISSAIs/IFPP) và chuyển đổi mô hình kiểm toán theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

Thứ ba, trên cơ sở khảo sát thực tiễn giai đoạn 2019 - 2025, luận án chỉ ra bức tranh khách quan về chất lượng kiểm toán nhà nước: những tiến bộ đáng ghi nhận trong quy trình, phạm vi và mức độ ứng dụng công nghệ; tuy nhiên vẫn còn những bất cập như khung pháp lý chưa đồng bộ, năng lực kiểm toán viên chưa đồng đều, hạn chế trong phối hợp chia sẻ dữ liệu và mức độ hội nhập quốc tế chưa tương xứng với yêu cầu mới.

Thứ tư, hội nhập quốc tế vừa mở ra cơ hội để đổi mới toàn diện hoạt động kiểm toán nhà nước, vừa đặt ra những thách thức lớn về chuẩn hóa nghiệp vụ, chuyên đổi số, phát triển nhân lực, tái cấu trúc mô hình tổ chức và tăng cường năng lực thể chế. Điều đó đòi hỏi Kiểm toán nhà nước phải thay đổi mạnh mẽ từ tư duy quản lý đến công cụ, phương pháp và cơ chế vận hành.

DANH MỤC CÁC CÔNG CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Cao Minh Xuyên (2025), “Ứng dụng công nghệ thông tin vào Kiểm toán nhà nước: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số 07 tháng 4/2025 (902), Tr.51 -54.
2. Cao Minh Xuyên (2025), “Đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả kiểm toán nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. Online truy cập tại: <https://kinhtevadubao.vn/doi-moi-hoat-dong-va-nang-cao-hieu-qua-kiem-toan-nha-nuoc-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te-o-viet-nam-hien-nay-31467.html>
3. Cao Minh Xuyên (2025), “Nâng cao chất lượng kiểm toán nhà nước: Kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. Online truy cập tại: <https://kinhtevadubao.vn/nang-cao-chat-luong-kiem-toan-nha-nuoc-kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-va-bai-hoc-cho-viet-nam-31625.html>